

Bản án số: **541/2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2020/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 202/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2770/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 12 đường số 61, Khu phố 3, phường Phước Long B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1984

Địa chỉ: X đường số 297, Khu phố 4, phường Phước Long B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Mỹ T chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 02/11/2009. Sau khi kết hôn, ông và bà Huỳnh Thị Mỹ T sống chung với gia đình ông tại số Q phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó vợ chồng ông ra ở riêng tại số X phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình sống chung, lúc đầu vợ chồng hạnh phúc về sau không hạnh phúc do tính tình hai vợ chồng trái ngược nhau; bất đồng quan điểm, lối sống, văn hóa. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông đã cố gắng hết sức nhưng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, ông đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ đầu năm 2019. Nay ông xin ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Minh R, sinh ngày 02/01/2014. Nếu được ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 02/11/2009. Sau khi kết hôn, bà và ông Nguyễn Ngọc H sống chung với nhau ở bên chồng tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống rất hạnh phúc, khoảng 1 năm nay do ông Nguyễn Ngọc H ngoại tình nên thường xuyên không về nhà. Bà và ông Nguyễn Ngọc H đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Minh R, sinh ngày 02/01/2014 hiện đang chung sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/1tháng/1 trẻ đến khi hai trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 202/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 02/11/2009 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 27/01/2012 và Nguyễn Minh R, sinh ngày 02/01/2014 cho bà Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con số tiền: 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/01 trẻ cho đến khi 02 trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 06/3/2020, ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo là ông Nguyễn Ngọc H, đồng thời là nguyên đơn trong vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị Mỹ T cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông H và bà T đã cùng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T có hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 27/01/2012 và trẻ Nguyễn Minh R (nữ), sinh ngày 02/01/2014, hai bên cùng thống nhất: Giao hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 27/01/2012 và trẻ Nguyễn Minh R (nữ), sinh ngày 02/01/2014 cho mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/1 con/ 1 tháng, hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết là do ông và bà có tài sản chung là nhà đất tại số X phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL0800XX, số vào sổ cấp GCN CS103XX do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/6/2018 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T. Khi Tòa sơ thẩm xét xử thì chưa chuyển nhượng nhưng hiện nay tài sản này đã được ông H, bà T chuyển nhượng cho ông Đinh Sỹ Bảo theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/5/2020, số công chứng 54XX quyển số 03 lập tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh nên hiện nay ông H, bà T không còn tài sản chung. Vì

vậy, ông bà xác định hai bên không có tài sản chung, yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này.

- Về nợ chung: Do không hiểu quy định pháp luật nên tại Tòa sơ thẩm ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, thực tế bà T có đứng tên vay một khoản nợ 1.800.000.000 đồng từ năm 2016 theo Hợp đồng tín dụng số 6300-LAV-20160283 với Ngân hàng N. Tuy nhiên ngày 28/5/2020, bà T đã hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng N, ngoài ra ông bà không còn khoản nợ nào khác. Vì vậy, ông bà xác định lại nợ chung không có, yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông H còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung: Ông H kháng cáo xin được trực tiếp nuôi hai con chung. Ngày 02/6/2020, ông H và bà T có văn bản trình bày đã thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trang, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện.

Đồng thời, ông H bà T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T thuận tình ly hôn, ông bà có hai con chung và cùng thống nhất: Giao hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 27/01/2012 và trẻ Nguyễn Minh R (nữ), sinh ngày 02/01/2014 cho mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/1 con/1 tháng, hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2020

cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi. Việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H bà bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết là do ông bà có tài sản chung là nhà đất tại số X phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL0800XX, số vào sổ cấp GCN CS103XX do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/6/2018 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T. Khi Tòa sơ thẩm xét xử thì chưa chuyển nhượng nhưng hiện nay tài sản này đã được ông H, bà T chuyển nhượng cho ông Đinh Sỹ B theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/5/2020, số công chứng 54XX quyển số 03 lập tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh nên hiện nay ông H, bà T không còn tài sản chung. Vì vậy, ông bà xác định hai bên không có tài sản chung, yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này.

- Về nợ chung: Do không hiểu quy định pháp luật nên tại Tòa sơ thẩm ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, thực tế bà T có đứng tên vay một khoản nợ 1.800.000.000 đồng từ năm 2016 theo Hợp đồng tín dụng số 6300-LAV-20160283 với Ngân hàng N. Tuy nhiên ngày 28/5/2020, bà T đã hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng N, ngoài ra ông bà không còn khoản nợ nào khác. Vì vậy, ông bà xác định lại nợ chung không có, yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con : Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 238, Điều 300, Điều 306 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 202/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Mỹ T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 27/01/2012 và trẻ Nguyễn Minh R (nữ), sinh ngày 02/01/2014 cho mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/1 con/1 tháng, hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc H phải chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026573 ngày 23

tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc H phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc H phải chịu, nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0013407 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về thi hành án: Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận C;
- TAND Quận C;
- UBND phường P, Quận C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương